

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày: 21-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà
2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh năm 1988; Nơi sinh: tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 09/12; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964 và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1967; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai trong gia đình; bị cáo chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1987 và bị cáo có hai người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020;

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, đi học đến lớp 09 thì nghỉ. Đến năm 2005 chung sống với Nguyễn Quốc P tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can Phạm Thị T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2023 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1998 (có mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm 1978 (có mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, An Giang.

2. Anh Nguyễn Tân S, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cư trú: Khu phố C, phường Đ, thành phố P, Kiên Giang.

3. Chị Phạm Thị Bé E, sinh năm 1974 (có mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, An Giang.

4. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt);

5. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ C, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 26/01/2023, Lê Thị Huỳnh N cùng gia đình đi ra phía sau nhà tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang để kéo lưới cá. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Phạm Thị T (là chị họ của N) đi bộ từ nhà cha ruột của T tên Phạm Văn T1 đến nhà của Phạm Văn L1 (là chú của T) cách đó khoảng 05 mét để nói chuyện với vợ chồng của L1. Khoảng 05 phút sau, T đi về ngang qua nhà Như sát nhà T1, T đi vào nhà tìm Như để nói chuyện nhưng trong nhà không có ai nên T đi đến phòng ngủ của N mở cửa phòng ngủ đi vào trong nhìn thấy 01 túi trang điểm bằng nhựa trong suốt để trên nền gạch, bên trong có 01 chiếc lắc tay kiểu “mắt xích” bằng vàng 18 kra trọng lượng 41,1 chỉ nên T đi đến lấy chiếc lắc cầm trên tay đem về cất giấu trên máng xôi trong nhà T1. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, N đi vào phòng ngủ trong nhà phát hiện chiếc lắc tay bị mất trộm. Qua kiểm tra camera, Như thấy T từ trong nhà N đi ra, biết T lấy trộm tài sản nên đến Công an xã V trình báo sự việc.

Ngày 18/4/2023, Phạm Thị T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C khởi tố để điều tra.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc lắc tay kiểu mắt xích bằng vàng trọng lượng 41,1 chỉ. Đã trao trả cho bị hại Lê Thị Huỳnh N.

- 01 đĩa Maxell DVD-R lưu trữ 01 File video, dung lượng 5.28 MB. Lưu hồ sơ vụ án kèm theo.

Tại kết luận định giá số 19/KL.HĐ ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận:

- 01 chiếc lắc tay kiểu “mắt xích” bằng vàng 18kra, loại vàng 07 tuổi 01, có trọng lượng 04 lượng 01 chỉ 01 phân, tương đương 41,1 chỉ, có giá trị là 41,1 chỉ x 3.450.000 đồng x 100% = 141.795.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) (BL: 73).

Tại cáo trạng số 43/CT-VKSCT-HS ngày 19/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo Phạm Thị Triều về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra bị hại Lê Thị Huỳnh N; những người làm chứng chỉ Phạm Thị Bé E; chị Huỳnh Thị Thúy L, Nguyễn Tấn S, Dương Thị Đ, Phạm Văn T1 đều có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu (Bút lục số: 27-28; 45-46; 112-113; 31-32; 66-67; 124-125).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 02 (Hai) năm 06 tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tính từ ngày tuyên án (21/9/2023).

Xử lý vật chứng:

- 01 chiếc lắc tay kiểu mắt xích bằng vàng trọng lượng 41,1 chỉ. Đã trao trả cho bị hại Lê Thị Huỳnh N nên không đề nghị xem xét.

- 01 đĩa Maxell DVD-R lưu trữ 01 File video, dung lượng 5.28 MB. Lưu hồ sơ vụ án.

Bị cáo Phạm Thị T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại Như có lời trình bày: Tài sản bị mất trộm như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo T.

Người làm chứng anh Nguyễn Tấn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và nội dung vụ án đã nêu. Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Bé E, chị Huỳnh Thị Thúy L, Dương Thị Đ, Phạm Văn T1 có lời khai phù hợp với những tình tiết trong vụ án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nói lời xin lỗi đối với cha mẹ ruột, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Tấn S đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt. Xét thấy, người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, đặc điểm các tài sản bị mất trộm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trong lúc thấy trong nhà bị hại vắng người, cửa phòng ngủ mở nên đã lén lút lấy trộm 01 chiếc lắc tay vàng 18k, trọng lượng 41,1 chỉ được để trong túi xách trang điểm trên nền gạch. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị

xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo là người khỏe mạnh, có đủ điều kiện, khả năng lao động kiếm tiền nuôi sống bản thân và gia đình. Lẽ ra bị cáo phải cố gắng làm việc chân chính, là người công dân tốt, giúp ích cho xã hội nhưng ngược lại với bản tính tham lam, muốn có tài sản mà không cần tốn công sức lao động, bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra, bị cáo lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của bị hại Như trong việc quản lý tài sản nên lén lút có ý lấy trộm tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ mới hơn 36 tháng tuổi. Phía bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt, để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xử lý vật chứng: 01 (Một) chiếc lắc tay kiểu “mắt xích” bằng vàng 18kra, loại 07 tuổi 01, có trọng lượng 04 lạng, 01 chỉ, 01 phân, đã được trao trả cho bị hại Như nên không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (21/9/2023).

- Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hà

Phạm Thị Kim Thảo

Hà Thị Mỹ Linh

